

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phin;
- Ông Nguyễn Minh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 ngày 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Quách Thị Thu T sinh năm 1994; Nơi ĐKNKTT: 2 H, phường T, quận H, H ở hiện nay: 9 K, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Quang H năm 1988; Nơi cư trú: 2 H, phường T, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Quách Thị Thu T bày:

Chị Quách Thị Thu T1 anh Phạm Quang H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T13, quận H, thành phố H 18/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H2 quan hệ bất chính với

người phụ nữ khác nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2024, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T2 đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang H1

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Phạm Thảo N ngày 09/4/2019. Ly hôn, chị T2 đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu N1 chị T3 sống nhà bố mẹ đẻ của chị, được gia đình chị hỗ trợ về vật chất và tinh thần để chị yên tâm làm việc.

Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị tự thỏa thuận với anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận với anh H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh Phạm Quang H1:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T4 phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H đều vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị T1 anh H6 vợ chồng, quá trình chung sống có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có một con chung, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được chị T1 anh H2 những tài sản chung gì.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Thu T5 chị T11 ly hôn anh Phạm Quang H1 Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phạm Thảo N ngày 09/4/2019 cho chị T11 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu

300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Phạm Quang H2 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại quận H, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Quang H3 mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Thu T1 anh Phạm Quang H4 hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/7/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị T có đơn xin ly hôn, nhưng anh H5 hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh H5 có ý thức hèn dãn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Quách Thị Thu T6 được ly hôn anh Phạm Quang H6 phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị T1 anh H2 một con chung là cháu Phạm Thảo N ngày 09/4/2019. Căn cứ vào lời khai của chị T1 các tài liệu do Tòa án thu thập thể hiện: Cháu N2 đang sinh sống cùng với chị T4 nhà bố mẹ đẻ chị T11 gia đình chị hỗ trợ về vật chất và tinh thần, chị T7 đang làm kế toán tại Công ty Thương mại cổ phần D mức thu nhập ổn định. Mặt khác, anh H5 có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thảo N3 chị Quách Thị Thu T6 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T8 nhận chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T8 nhận chị và anh H7 thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị Thu T9 nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị T10 T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Thu T11 ly hôn anh Phạm Quang H1

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thảo N4, sinh ngày 09/4/2019 cho chị Quách Thị Thu T6 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị T được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quách Thị Thu T1 anh Phạm Quang H7 thỏa thuận, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Quách Thị Thu T1 anh Phạm Quang H7 thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị Thu T12 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T11 trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0002597 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị Thu T1 anh Phạm Quang H1(vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như